

Số: 09 /QĐ-HĐTr

Bình Dương, ngày 02 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành quy chế thực hiện công khai
của Trường Đại học Thủ Dầu Một

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-UBND, ngày 21/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thành lập Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-HĐTr, ngày 02/7/2019 của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 36/TT-BGDĐT, ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thực hiện công khai của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 81/QĐ-ĐHTDM ngày 26/01/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế công khai của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Điều 3. Trường các đơn vị thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT; Đăng Website.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG



PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệt



QUY CHẾ

Thực hiện công khai của Trường Đại học Thủ Dầu Một

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-HĐTr, ngày 02 tháng 7 năm 2019
của Hội đồng trường Đại học Thủ Dầu Một)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính của Trường Đại học Thủ Dầu Một (sau đây gọi tắt là Trường).

Điều 2. Mục đích thực hiện công khai

Thực hiện công khai để người học, cán bộ viên chức thuộc Trường, cơ quan chủ quản và xã hội tham gia giám sát, đánh giá Trường theo quy định của pháp luật.

Thực hiện công khai nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục đào tạo.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện công khai

Việc thực hiện công khai của Trường phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này.

Thông tin được công khai tại Trường và trên các trang thông tin điện tử theo quy định tại Quy chế này phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và dễ dàng tiếp cận.

Chương II NỘI DUNG THỰC HIỆN CÔNG KHAI

Điều 4. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

1. Cam kết chất lượng giáo dục: Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của Trường; mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được theo từng mã ngành đào tạo cấp IV; các chính sách hoạt động hỗ trợ

học tập sinh hoạt của người học, chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện; khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường; và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ đào tạo và theo các chuyên ngành đào tạo cấp IV (Theo Biểu mẫu số 01).

2. Chất lượng giáo dục thực tế: Thông tin về quy mô đào tạo hiện tại và sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường. Đối với công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại cần công khai quy mô nghiên cứu sinh, thạc sĩ và sinh viên ở các trình độ đào tạo, hình thức đào tạo phân theo khối ngành đào tạo. Đối với tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm ra trường: số sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường gồm số sinh viên tốt nghiệp có việc làm và số sinh viên tốt nghiệp đang học nâng cao (Theo Biểu mẫu số 02).

3. Chỉ tiêu tuyển sinh của Trường theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo.

4. Các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: Công khai về giảng viên giảng dạy và giảng viên hướng dẫn (nếu có), mục đích môn học, nội dung và lịch trình giảng dạy, tài liệu tham khảo, phương pháp đánh giá sinh viên.

5. Giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn: Công khai tên các giáo trình (kể cả giáo trình điện tử), tài liệu tham khảo, năm xuất bản, kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo của các chuyên ngành.

6. Đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp của các sinh viên trình độ đại học, học viên trình độ thạc sĩ và nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ: Công khai tên đề tài, họ và tên người thực hiện và người hướng dẫn, nội dung tóm tắt.

7. Công khai các thông tin liên quan về văn bằng, chứng chỉ cho người học trên trang thông tin điện tử của Trường: Tên văn bằng chứng chỉ; họ tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp văn bằng chứng chỉ; trình độ đào tạo, xếp loại, số hiệu, số vào sổ gốc lưu văn bằng, chứng chỉ.

8. Hoạt động đào tạo theo nhiệm vụ được giao, đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp (nếu có): Các đơn vị đào tạo, số lượng, thời gian, ngành nghề, trình độ và kết quả đào tạo.

9. Các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn: Tên các dự án hoặc tên nhiệm vụ khoa học công nghệ, người chủ trì và các thành viên tham gia, đối tác trong nước và quốc tế, thời gian và kinh phí thực hiện, tóm tắt sản phẩm của dự án hoặc nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn.

10. Hội nghị, hội thảo khoa học do Trường tổ chức: tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, thời gian và địa điểm tổ chức, số lượng đại biểu tham dự.

11. Hoạt động liên kết đào tạo trong nước và với nước ngoài: Công khai thông tin và các điều kiện đảm bảo chất lượng của đơn vị liên kết, quy mô, trình độ đào tạo tại đơn vị liên kết, hình thức liên kết.

12. Kiểm định Trường và chương trình đào tạo: Công khai kết quả đánh giá ngoài, nghị quyết và kiến nghị của hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, kết quả công nhận đạt hay không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Điều 5. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

1. Công khai thông tin về cơ sở vật chất: Tổng diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng; các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, trung tâm học liệu; diện tích đất/sinh viên, diện tích sàn/sinh viên (Theo biểu mẫu số 03).

2. Công khai đội ngũ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng xếp theo các khối ngành và môn chung có phân biệt theo chức danh, trình độ đào tạo và hạng chức danh nghề nghiệp, danh sách chi tiết giảng viên cơ hữu theo khối ngành, tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi theo từng khối ngành (Theo Biểu mẫu số 04).

b) Sơ lược lý lịch của giảng viên: Họ và tên (kèm theo ảnh), tuổi đời, thâm niên giảng dạy, chức danh, trình độ chuyên môn, công trình khoa học, kinh nghiệm giảng dạy và nghiên cứu, hoạt động nghiên cứu trong nước và quốc tế, các bài báo đăng tải trong nước và quốc tế; thông tin về họ và tên học viên, nghiên cứu sinh mà giảng viên đã hướng dẫn bảo vệ thành công trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, tóm tắt đề tài nghiên cứu, thời gian thực hiện.

c) Số lượng giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

Điều 6. Công khai thu chi tài chính

1. Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và các văn bản hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

2. Mức thu học phí và các khoản thu khác cho từng năm học và dự kiến cả khóa học (Theo Biểu mẫu số 05).

3. Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác.

4. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

5. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

6. Các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hằng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

7. Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại các văn bản quy định hiện hành về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 7. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức công khai: Thực hiện công khai trên Trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại Trường.

Đối với nội dung liên quan đến chức năng hoạt động, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường, phải có tài liệu giấy in sẵn tại các đơn vị để phục vụ nhu cầu nghiên cứu của sinh viên, giảng viên và những người quan tâm. Các tài liệu được cập nhật thường xuyên, sẵn sàng phục vụ trong thời gian làm việc của các đơn vị.

2. Thời điểm công khai: Công khai vào tháng 6 hằng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và kịp thời cập nhật khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

Đối với nội dung quy định tại khoản 1, khoản 3, Điều 4 của Quy chế này được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Trường chậm nhất là tháng 4 hằng năm.

3. Đối với nội dung quy định tại khoản 2, Điều 6 của Quy chế này, ngoài việc thực hiện công khai theo quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này, còn phải thực hiện công khai như sau:

a) Đối với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tuyển mới: Phổ biến trong các cuộc họp, các buổi gặp gỡ sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh hoặc phát tài liệu cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh trước khi Trường thực hiện tuyển sinh.

b) Đối với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh đang học: Phổ biến hoặc phát tài liệu cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh vào đầu năm học mới.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường

1. Phòng Đào tạo đại học: Chủ trì phối hợp với các khoa và các đơn vị có liên quan thực hiện nội dung công khai quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 8 thuộc Điều 4 của Quy chế này (đối với trình độ đào tạo đại học).

2. Phòng Đào tạo sau đại học: Chủ trì thực hiện nội dung công khai có liên quan quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 6, khoản 8 thuộc Điều 4 của Quy chế này (đối với trình độ đào tạo sau đại học).

3. Các khoa: Phối hợp cung cấp thông tin cho phòng Đào tạo đại học và phòng Đào tạo sau đại học những nội dung công khai có liên quan quy định tại khoản 4, khoản 6, Điều 4 của Quy chế này; Thực hiện công khai sơ lược lý lịch giảng viên (theo điểm b, khoản 2, Điều 5 của Quy chế này), chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần trên website của mỗi khoa.

4. Phòng Khoa học: Thực hiện nội dung công khai quy định tại khoản 9, khoản 10, Điều 4 của Quy chế này.

5. Phòng Hợp tác quốc tế: Thực hiện nội dung công khai quy định tại khoản 11, Điều 4 của Quy chế này.

6. Phòng Đảm bảo chất lượng: Thực hiện nội dung công khai quy định tại khoản 12, Điều 4 của Quy chế này.

7. Trung tâm học liệu: Thực hiện nội dung công khai quy định tại khoản 5, Điều 4 của Quy chế này

8. Phòng Kế hoạch – Tài chính: Thực hiện nội dung công khai quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

9. Phòng Cơ sở vật chất: Thực hiện nội dung công khai quy định tại khoản 1, Điều 5 của Quy chế này.

10. Phòng Tổ chức: Thực hiện nội dung công khai quy định tại khoản 2, Điều 5 của Quy chế này

11. Trang Biên tập Trang Thông tin điện tử: Đăng tải nội dung công khai lên Trang Thông tin điện tử của Trường.

12. Bộ phận cấp phát văn bản – chứng chỉ thuộc Văn phòng: Thực hiện nội dung công khai quy định tại khoản 7, Điều 4 của Quy chế này.

13. Văn phòng: Có trách nhiệm thông báo, đôn đốc các đơn vị thực hiện công khai; tổng hợp nội dung công khai và gửi báo cáo công khai cho

Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo việc thực hiện công khai đầy đủ, đúng thời gian quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

PGS.TS. Nguyễn Văn Hiệp

PHỤ LỤC

Biểu mẫu 01: Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường, năm học.....

Biểu mẫu 02: Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường, năm học.....

Biểu mẫu 03: Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường, năm học.....

Biểu mẫu 04: Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường, năm học.....

Biểu mẫu 05: Công khai tài chính của Trường, năm học.....

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai cam kết chất lượng đào tạo của
Trường Đại học Thủ Dầu Một, năm học.....**

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh							
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được							
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học							
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện							
V	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường							
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp							

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của
Trường Đại học Thủ Dầu Một, năm học.....**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II					x	x	x	x
3	Khối ngành III					x	x	x	x
4	Khối ngành IV					x	x	x	x
5	Khối ngành V					x	x	x	x
6	Khối ngành VI					x	x	x	x
7	Khối ngành VII					x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I					
2	Khối ngành II					
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					

5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII					

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát}) * 100$

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1					
2					

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1			
2			

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ				
2	Thạc sĩ				
3	Đại học				

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1				
2				

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1						
2						

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1							
2							

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của
Trường Đại học Thủ Dầu Một, năm học.....

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó: a Trụ sở chính b Phân hiệu tại... c Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...							
2	Phòng thực hành...							
3	Xưởng thực tập...							
4	Nhà tập đa năng							
5	Hội trường							
6	Phòng học...							
7	Phòng học đa							

	phương tiện...							
8	Thư viện...							
9	Trung tâm học liệu...							
10	Các phòng chức năng khác							

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	
2	Số chỗ ngồi đọc	
3	Số máy tính của thư viện	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	
2	Diện tích sàn/sinh viên	

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của
Trường Đại học Thủ Dầu Một, năm học.....**

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành...											
	Ngành...											
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành...											
d	Khối ngành IV											
	Ngành...											
đ	Khối ngành V											
	Ngành...											
e	Khối ngành VI											
	Ngành...											
	Khối ngành VII											
	Ngành...											
2	Giảng viên cơ hữu môn chung											

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
	...					
2	Khối ngành II					
	...					
3	Khối ngành III					
	...					
4	Khối ngành IV					
	...					
5	Khối ngành V					
	...					
6	Khối ngành VI					
	...					
7	Khối ngành VII					
	...					

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	
7	Khối ngành VII	

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai tài chính của Trường Đại học Thủ Dầu Một
năm học.....

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		

3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		
2	Từ học phí	Tỷ đồng		
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)